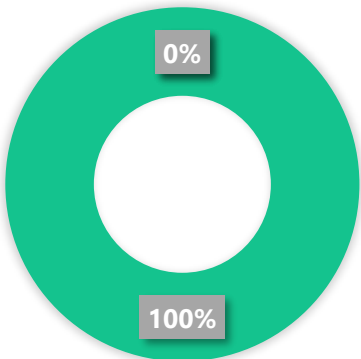


Thông tin giao dịch		30/09/2024
Giá hiện tại (VNĐ)		22,800
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		26,200
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		18,000
SL cổ phiếu LH		13,600,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		17,290
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		310
P/E		33.4
EPS		682

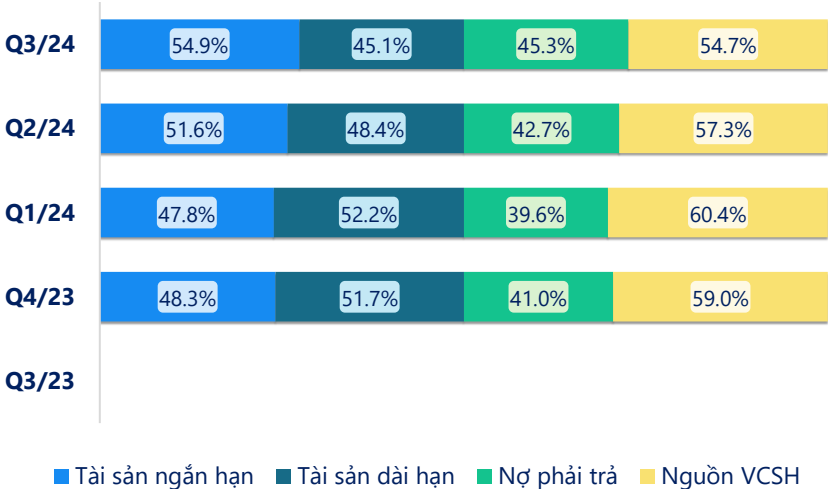
	YTD	1T	3T	6T
AVG		0.0%	-1.3%	-8.4%
VNINDEX		-0.2%	1.3%	1.1%

Cơ cấu sở hữu



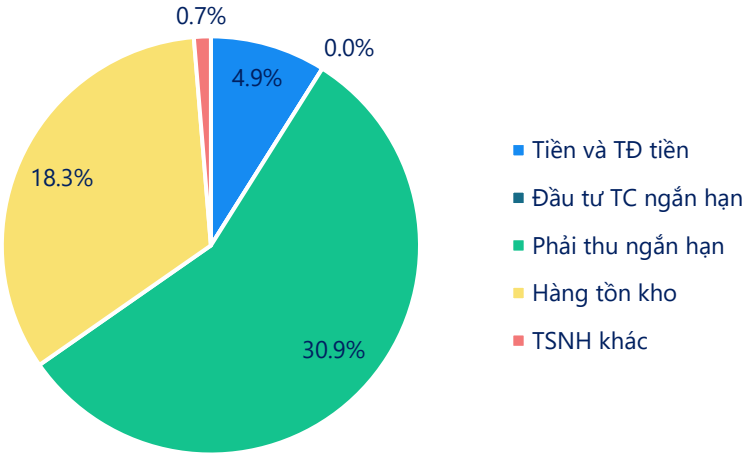
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

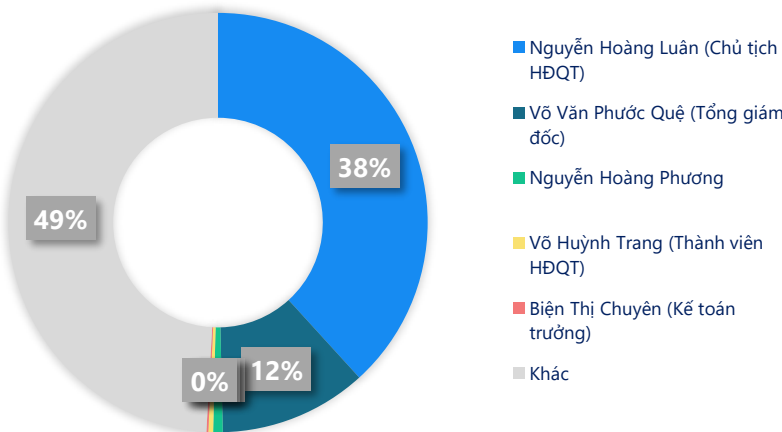
Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



Q3/24

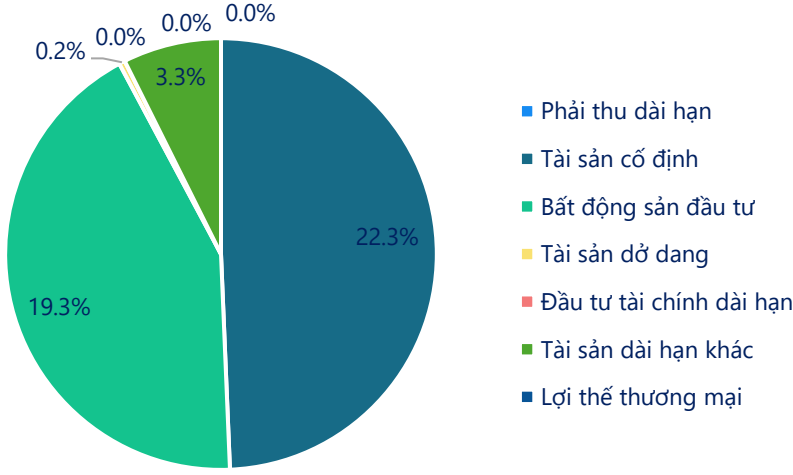
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



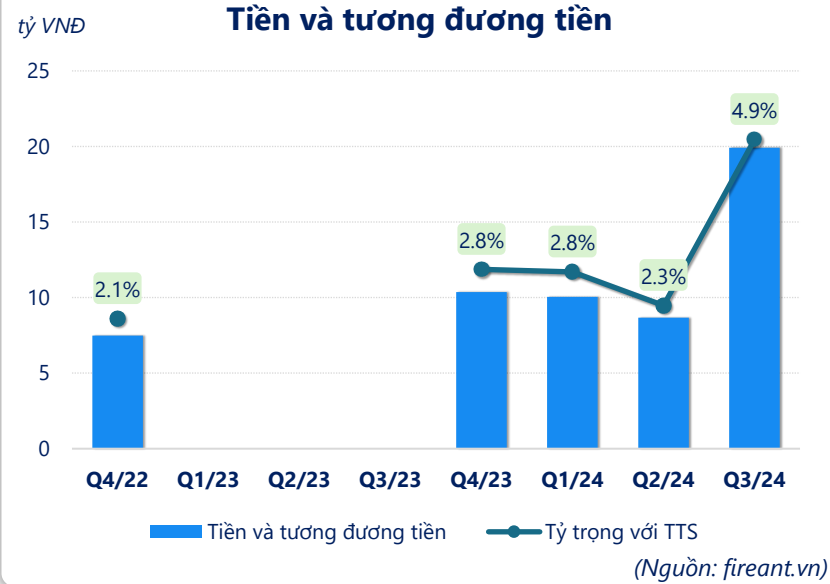
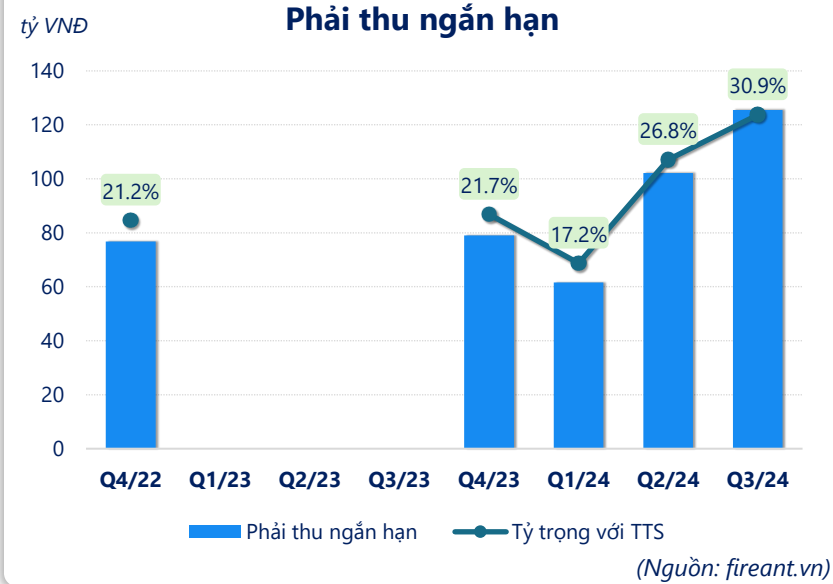
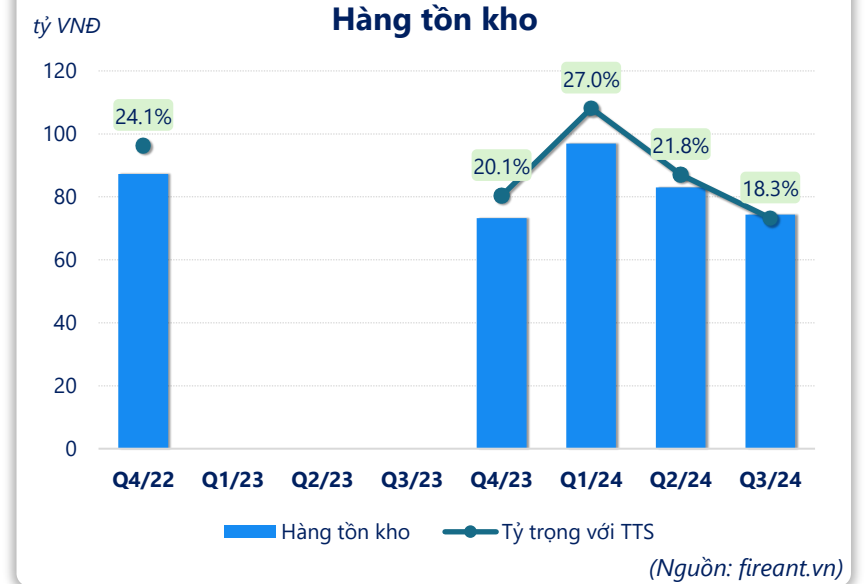
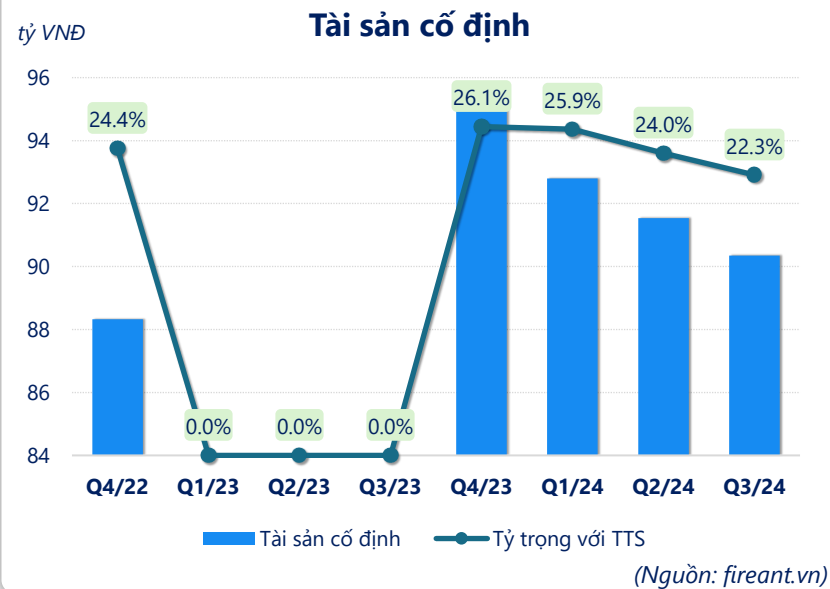
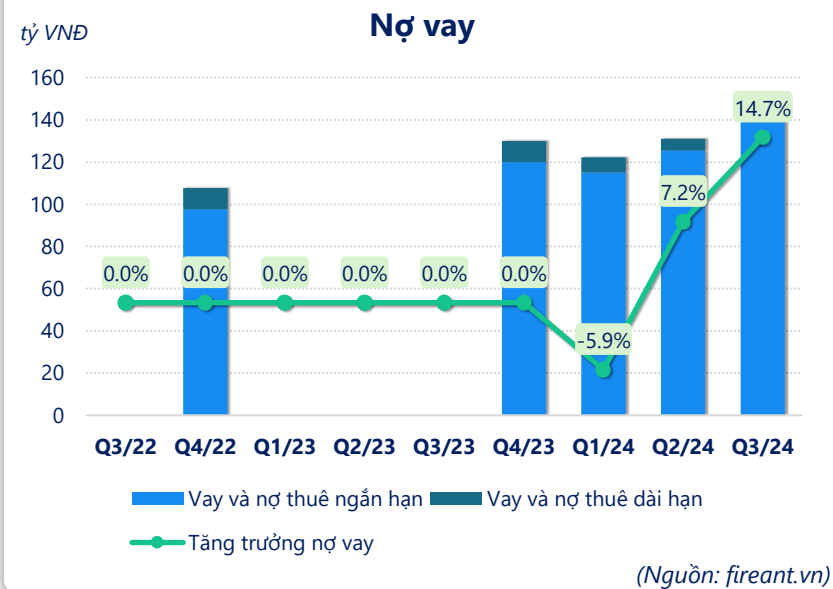
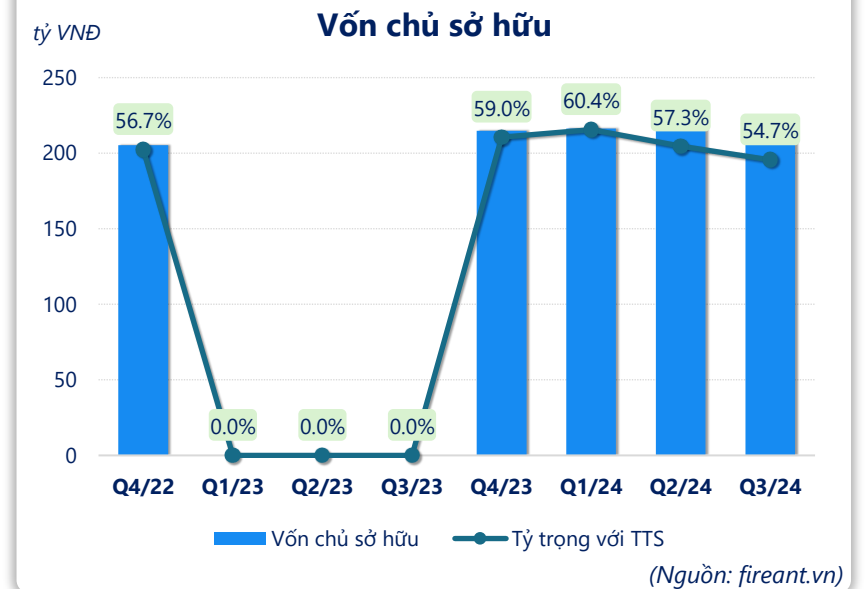
(Nguồn: fireant.vn)

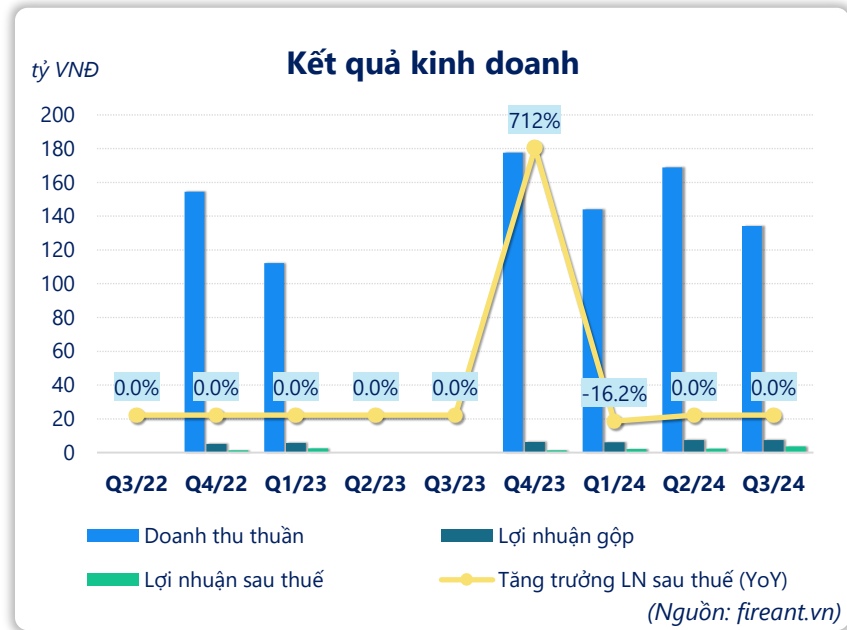
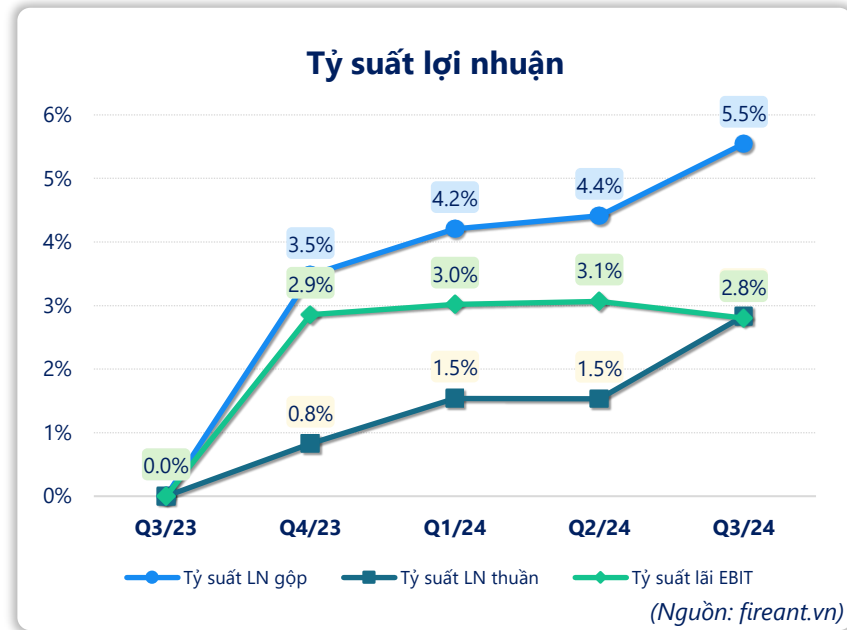
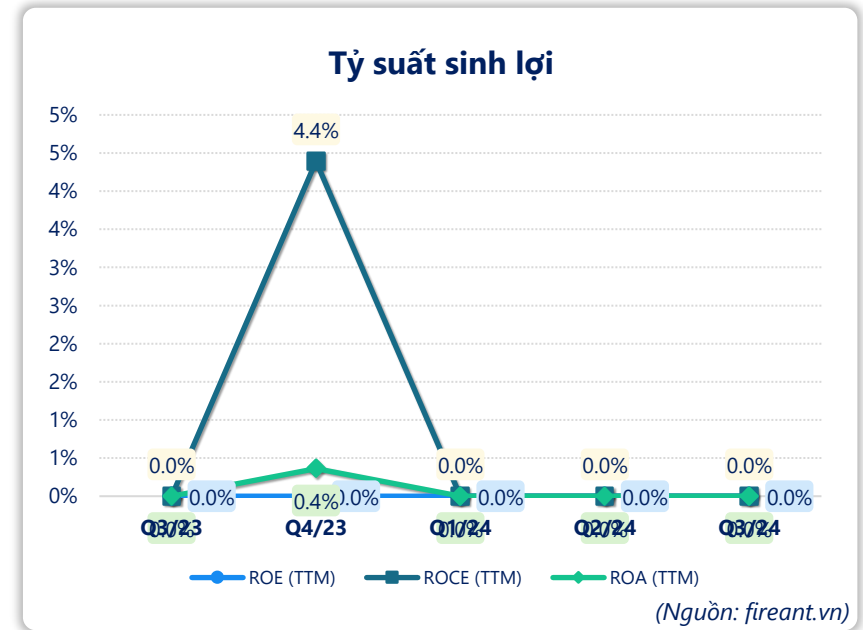
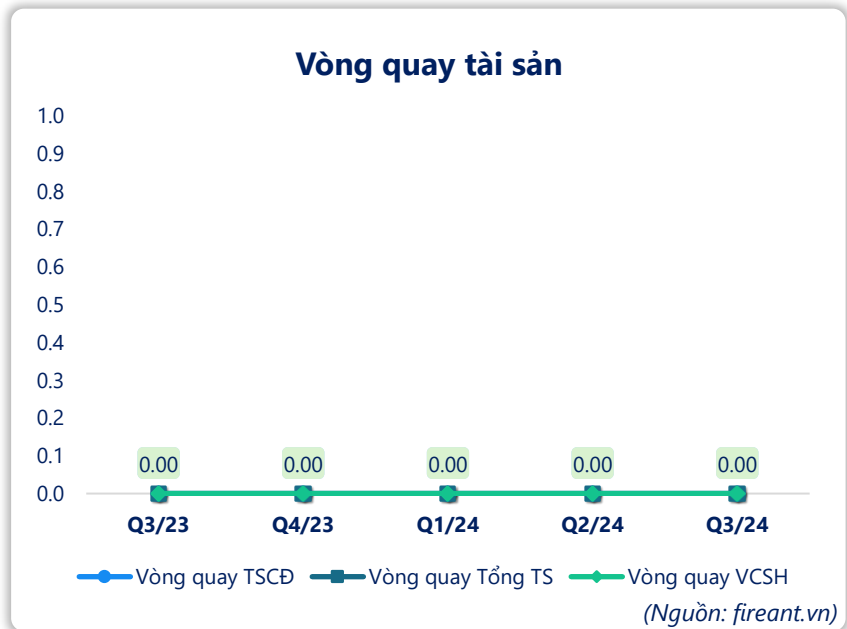
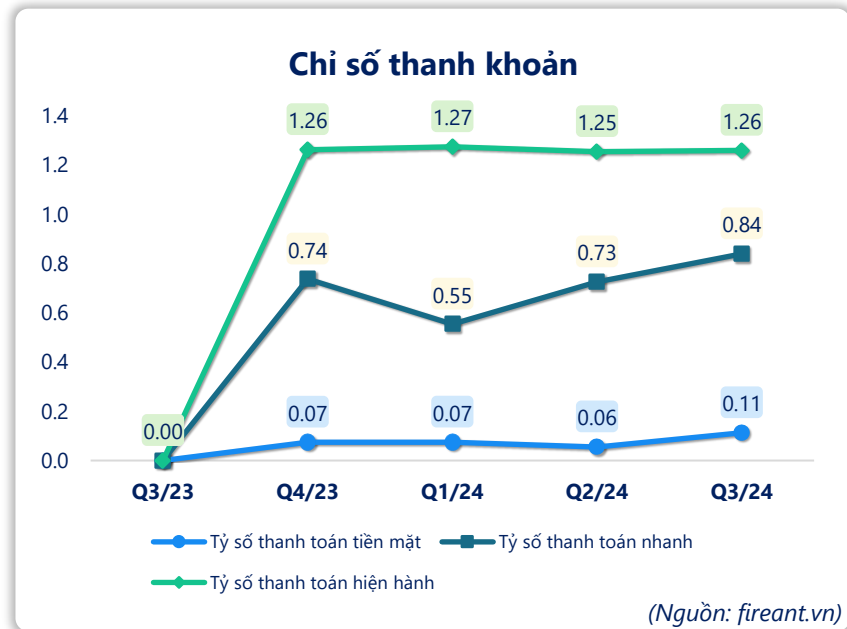
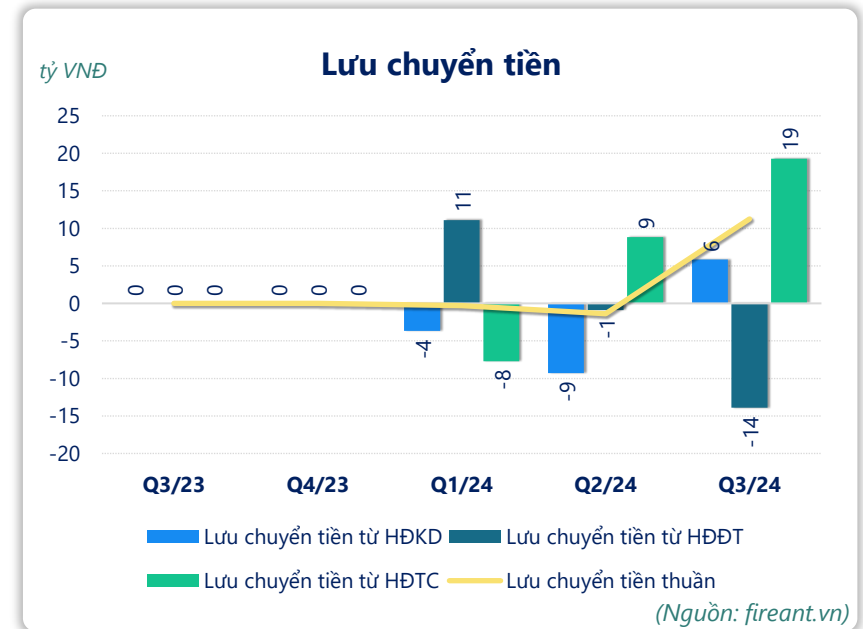
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



Q3/24

(Nguồn: fireant.vn)





CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	406	357	13.6%
Tài sản ngắn hạn	223	168	32.5%
Tiền và tương đương tiền	19.9	10.3	92.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	10.0	-100%
Phải thu ngắn hạn	126	71.3	76.0%
Hàng tồn kho	74.3	73.1	1.6%
Tài sản ngắn hạn khác	2.91	3.24	-10.2%
Tài sản dài hạn	183	189	-3.1%
Phải thu dài hạn	0	0.02	-100%
Tài sản cố định	90.3	94.0	-3.9%
Bất động sản đầu tư	78.5	81.2	-3.3%
Tài sản dở dang	0.81	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	13.5	13.8	-2.5%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	184	143	28.4%
Nợ ngắn hạn	177	135	30.5%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	144	123	17.1%
Phải trả người bán ngắn hạn	28.5	10.9	161%
Nợ dài hạn	6.86	7.49	-8.4%
Vay và nợ thuê dài hạn	6.45	7.10	-9.1%
Nguồn vốn chủ sở hữu	222	214	3.8%
Vốn chủ sở hữu	222	214	3.8%
Vốn điều lệ	136	136	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24
Doanh thu thuần		178	144	169	134
Giá vốn hàng bán		171	138	161	127
Lợi nhuận gộp		6.18	6.06	7.45	7.45
Doanh thu HĐTC		0.36	0.16	0.00	0.01
Chi phí TC		3.63	2.17	2.64	2.14
Chi phí lãi vay		3.63	2.17	2.64	0
LN trong công ty LKLD		0	0	0	0
Chi phí bán hàng		0.26	0.40	0.51	0.52
Chi phí QLDN		1.18	1.43	1.71	0.99
LN thuần từ HĐKD		1.47	2.22	2.59	3.81
Lợi nhuận khác		-0.03	-0.04	-0.06	-0.05
LN trước thuế		1.44	2.18	2.53	3.76
Lợi nhuận sau thuế		1.31	2.07	2.36	3.61
LNST của CĐ cty mẹ		1.31	2.05	2.34	3.57

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	0	0	-3.64	-9.28	5.86
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0	0	11.1	-0.91	-13.9
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	-7.72	8.82	19.3
Tiền đầu kỳ	0	0	10.3	10.0	8.67
Lưu chuyển tiền thuần	0	0	-0.29	-1.38	11.2
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	0	0	10.0	8.67	19.9

(Nguồn: fireant.vn)